TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2024/DS-PT
Ngày 19 – 3 – 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19-3-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 190/2023/DS-PT ngày 07-11-2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 22-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐ-PT ngày 06-02-2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T; sinh năm 1982; Địa chỉ: xx P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 25-11-2023 tại Văn phòng Công chứng Đặng Thị Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Trọng T1; sinh năm 1964 và bà Trần Thị X; sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn A , xã B, huyện C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh P; sinh năm 1993; Địa chỉ: xx H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 28-12-2023 tại Văn phòng Công chứng Phạm Văn Vinh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Đoàn Trọng T1 và bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị C trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng:*

Bà Trần Thị X và Ông Đoàn Trọng T1 làm nghề buôn bán thịt heo tại huyện C, thành phố Đà Nẵng. Tôi là người thu mua thịt heo (heo sống nguyên con) tại địa phương và bỏ hàng cho bà X bán lại.

Từ năm 2021, giữa tôi và vợ chồng bà X đã diễn ra quá trình mua bán heo thường xuyên. Cứ định kỳ khoảng 3 đến 4 ngày, tôi chở hàng khoảng 15 đến 40 con heo thịt đến địa chỉ Lò giết mổ tập trung hợp tác xã B, huyện C, thành phố Đà Nẵng để bán cho bà X, ông T1. Sau khi bỏ hàng xong, tôi quay xe về và gọi điện hoặc nhắn tin xác nhận đơn hàng với bà X và bà X tiến hành thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản của tôi hoặc tôi sẽ đến gặp nhận tiền mặt vào những ngày sau đó.

Quá trình mua bán có những đơn hàng được thanh toán đủ và những đơn mới chỉ thanh toán một phần, để nợ lại một phần chưa thanh toán và tôi vẫn tiếp tục bán heo cho vợ chồng bà X, ông T1. Sau nhiều đơn hàng thì số nợ bà X và ông T1 nợ tôi tăng dần. Đến ngày 07-12-2022, bà X đã tự mình ghi ra sổ và chụp hình gửi tin nhắn cho tôi với nội dung chốt công nợ cụ thể số tiền mua hàng còn nợ tôi đến ngày 17-11-2022 là 3.978.300.000 đồng.

Sau đó, tôi tiếp tục bỏ hàng, bà X vẫn thanh toán không đủ nên tôi vẫn bị nợ thêm. Nhiều lần yêu cầu thanh toán thì bà X chỉ thanh toán cho tôi những đơn hàng mới phát sinh sau ngày 17-11-2022 và 15.000.000 đồng của số nợ cũ đã chốt. Như vậy, số tiền bà X và ông T1 còn nợ tôi là: 3.963.300.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X và Ông Đoàn Trọng T1 phải thanh toán cho tôi số tiền nợ là 3.963.300.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X và Ông Đoàn Trọng T1 phải thanh toán cho bà C số tiền nợ là 3.923.300.000 đồng.

** Bị đơn - Ông Đoàn Trọng T1 và bà Trần Thị X trình bày tại biên bản hòa giải ngày 30-5-2023:*

Ông Đoàn Trọng T1 và vợ là bà Trần Thị X có quan hệ mua bán thịt heo với Bà Nguyễn Thị C từ năm 2021 như lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C. Quá trình mua bán thịt heo thì vợ chồng chúng tôi có nợ tiền mua thịt heo của bà C. Tuy nhiên, hiện nay số tiền vợ chồng chúng tôi còn nợ bà C số tiền bao nhiêu thì ông T1, bà X chưa chốt được số tiền cụ thể. Vợ chồng ông T1, bà X sẽ về đối chiếu công nợ và có văn bản trình bày xác nhận số nợ cụ thể gửi cho Tòa án sau.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 22-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định như sau:*

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Bà Nguyễn Thị C đối với bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1.

Buộc bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 phải trả cho Bà Nguyễn Thị C số tiền 3.923.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 110.466.000 đồng. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị C số tiền 55.633.300 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009912 ngày 17-4-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 04-10-2023, Bị đơn bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 19-3-2024, người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 sửa đổi đơn kháng cáo. Cụ thể, bà X, ông T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà C do bà X, ông T1 xác định chỉ nợ bà C số tiền là 3.365.300.000 đồng.

** Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm,* người đại diện theo uỷ quyền của Bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu* ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa

thuận của các đương sự do nội dung thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của Bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 đã thống nhất thỏa thuận được các nội dung sau (cùng với sự thống nhất của Bà Nguyễn Thị C có mặt tại phiên toà):

Bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Nguyễn Thị C số tiền là 3.800.000.000 đồng (ba tỷ, tám trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán chia làm 02 (hai) phân kỳ như sau:

Lần 1: Từ ngày 19-3-2024 đến ngày 19-4-2024 thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Lần 2: Từ ngày 19-4-2024 đến ngày 19-5-2024 thanh toán 2.800.000.000 đồng (hai tỷ, tám trăm triệu đồng).

Trường hợp bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ phân kỳ nào thì Bà Nguyễn Thị C đều có quyền yêu cầu thi hành án cho toàn bộ số tiền phải thi hành còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Xét thấy những nội dung thỏa thuận của các bên đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên đương sự có kháng cáo là bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Đồng thời, án phí sơ thẩm được xác định lại theo nội dung các bên đương sự đã thỏa thuận được, bà X, ông T1 phải thanh toán số tiền là 3.800.000.000 đồng, tương ứng với mức án phí phải chịu là 108.000.000 đồng.

[3] Các đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 148, 293, 300, 308, 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 2, Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 22-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Nguyễn Thị C số tiền là 3.800.000.000 đồng (ba tỷ, tám trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán chia làm 02 (hai) phân kỳ như sau:

Lần 1: Từ ngày 19-3-2024 đến ngày 19-4-2024 thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Lần 2: Từ ngày 19-4-2024 đến ngày 19-5-2024 thanh toán 2.800.000.000 đồng (hai tỷ, tám trăm triệu đồng).

Trường hợp bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ phân kỳ nào thì Bà Nguyễn Thị C đều có quyền yêu cầu thi hành án cho toàn bộ số tiền phải thi hành còn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 phải chịu 108.000.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 55.633.300 đồng (năm mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009912 ngày 17-4-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị X, Ông Đoàn Trọng T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000525 ngày 16-10-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND H. Hoà Vang, TPĐN;
- Chi cục THADS H. Hoà Vang, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai